TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY PHƯỚC** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:73/2020/DS-ST
Ngày: 05/8/2020
"V/v Đòi lại tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Duy Minh

Các hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Minh Thâm và ông Cao Văn Dũng.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định: Ông Nguyễn Văn Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 89/2019/TLST-DS, ngày 05 tháng 8 năm 2019, về việc *"Đòi lại tài sản",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 967/2020/QĐXX-ST ngày 16 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1069/QĐST-DS, ngày 08/7/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Quỹ tín dụng nhân dân Phước H.

Do ông Nguyễn Kim B - Chủ tịch Hội đồng quản trị, đại diện theo pháp luật (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn Kim T, xã Phước H, huyện T, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Ông Phan Văn Đ, sinh năm 1977 (Vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1979 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn Huỳnh G, xã Phước H, huyện T, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 7 năm 2019, tại bản tự khai ngày 23/8/2019, ngày 11/02/2020 và trong quá trình xét xử, đại diện theo pháp luật của nguyên đơn ông Nguyễn Kim B trình bày:

Theo hợp đồng tín dụng số 891/HĐTD-KD2005, ngày 12/9/2005, ông Phan Văn Đ và người thừa kế là vợ ông Đ là bà Nguyễn Thị L đến Quỹ tín dụng nhân dân Phước H vay 10.000.000đ, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 1,25%/tháng, chuyển sang quá hạn lãi suất 1,875%/tháng, mục đích vay là mua bán. Hình thức bảo đảm tiền

vay, cho vay có bảo đảm bằng tài sản, tài sản bảo đảm nợ vay gồm: Đơn xin xác nhận nhà ở.

Đến nay khoản vay của hợp đồng tín dụng trên đã quá hạn, Quỹ tín dụng nhân dân Phước H đã nhiều lần liên lạc, gửi thông báo trong việc trả nợ quá hạn nhưng ông Đ, bà L vẫn không chịu trả nợ gốc và lãi theo như cam kết.

Nay Quỹ tín dụng nhân dân Phước H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước buộc vợ chồng ông Đ, bà L có trách nhiệm phải trả toàn bộ số tiền còn nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân Phước H. Cụ thể, nợ gốc 10.000.000đ, nợ lãi trong hạn từ ngày 12/9/2005 đến ngày 31/12/2009 là 2.920.000đ. Tổng cộng cả gốc và lãi là 12.920.000đ. Trước đây Quỹ tín dụng nhân dân Phước H có yêu cầu tính lãi suất quá hạn, nhưng nay ông xin rút lại yêu cầu này. Ông chỉ yêu cầu ông Đ, bà L trả nợ gốc và nợ lãi trong hạn, không yêu cầu ông Đ, bà L trả nợ lãi quá hạn.

* Vắng mặt tại phiên tòa hôm nay, nhưng tại bản tự khai ngày 23/8/2019 bị đơn và cũng là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L là ông Phan Văn Đ trình bày: Vào ngày 26/3/2006 vợ chồng ông có ký hợp đồng vay tín dụng số 166/HĐTD-KDDV2006 vay của Quỹ tín dụng nhân dân Phước H số tiền gốc là 10.000.000đ, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 1,25%/tháng, chuyển sang quá hạn lãi suất 1,875%/tháng, mục đích vay là mua bán. Sau khi vay tiền xong, vì làm ăn thua lỗ nên vợ chồng ông không có trả gốc và lãi cho Quỹ tín dụng nhân dân Phước H. Nay Quỹ tín dụng nhân dân Phước H khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông trả gốc và lãi 12.920.000đ, ông đồng ý, nhưng vì điều kiên kinh tế gia đình khó khăn, nên ông xin trả dần cả gốc và lãi mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi hết nợ.

* Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý đơn khởi kiện đến tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử, nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn ông Phan Văn Đ và và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L không chấp hành các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 471, 472, 473, 474, 476, 478 Bộ luật dân sự năm 2005. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo Hợp đồng tín dụng số 891/HĐTD-KD2005, ngày 12/9/2005 thì thời hạn vay là 12 tháng; Từ đó đến nay Qũy tín dụng không cung cấp chứng cứ đòi nợ liên tục, phía bị đơn cũng không có chứng cứ xác nhận lại khoản nợ trên. Từ năm 2006 đến năm 2019 Qũy tín dụng mới khởi kiện tại Tòa nên thời hiệu

khởi kiện về vay tài sản đã hết thời hiệu theo qui định tại Điều 184 BLTTDS năm 2015 nên Tòa chấp nhận Qũy tín dụng khởi kiện về việc đòi lại tài sản là tiền gốc còn lại ông Đ, bà L vay 10.000.000 đồng và lãi trong hạn là có căn cứ theo qui định tại Điều 23 Nghị quyết 03/2012, ngày 03 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, Tòa xác định quan hệ tranh chấp đòi lại tài sản là có căn cứ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án này có bị đơn là ông Phan Văn Đ, cư trú tại thôn Huỳnh G, xã Phước H, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định; vì vậy, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định theo qui định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Phan Văn Đ và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng từ chối đến Tòa nên, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ, bà L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân Phước H yêu cầu vợ chồng ông Phan Văn Đ và bà Nguyễn thị L trả nợ vay gồm 10.000.000đ tiền gốc và 2.920.000đ tiền lãi. Hội đồng xét xử thấy rằng, vào ngày 12/9/2005 giữa vợ chồng ông Đ, bà L và Quỹ tín dụng nhân dân Phước H có thỏa thuận lập hợp đồng vay tiền là hợp đồng tín dụng số 891/HĐTD-KD2005, số tiền vay 10.000.000đ, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 1,25%/tháng, chuyển sang quá hạn lãi suất 1,875%/tháng. Từ khi vay đến nay ông Đ, bà L không có trả nợ gốc và lãi cho Quỹ tín dụng nhân dân Phước H.

Mặc dù ông Đ là người đứng tên vay tiền, nhưng mục đích sử dụng tiền vay của ông Đ là về để đầu tư chăn nuôi nhằm phát triển kinh tế gia đình, do đó theo qui định tại Điều 27 và 37 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, thì số nợ này là nợ chung của vợ chồng ông Đ, bà L.

Trong quá trình giải quyết vụ án thì đại diện theo pháp luật của nguyên đơn yêu cầu ông Đ, bà L phải trả nợ gốc 10.000.000đ, nợ lãi trong hạn 2.920.000đ, nợ lãi quá hạn 5.050.000đ. Nhưng tại phiên tòa hôm nay đại diện theo pháp luật của nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu là chỉ yêu cầu ông Đ, bà L trả nợ gốc 10.000.000đ và nợ lãi trong hạn 2.920.000đ, không yêu cầu trả nợ lãi quá hạn là phù hợp qui định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Mặc khác, tại bản tự khai ngày 23/8/2019 ông Đ cũng thừa nhận hiện nay còn nợ Quỹ tín dụng nhân dân Phước H 10.000.000đ tiền gốc và 2.920.000đ tiền lãi.

Xét yêu cầu của ông Đ xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi hết nợ, nhưng tại phiên tòa hôm nay ông Đ vẫn vắng mặt, chứng tỏ ông Đ không có thiện chí trả nợ; đồng thời yêu cầu của ông Đ không được Quỹ tín dụng nhân dân Phước H chấp nhận và không phù hợp qui định pháp luật, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định nên trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn, buộc ông Đ, bà L phải có nghĩa vụ trả cho Quỹ tín dụng nhân dân Phước H

12.920.000đ, trong đó nợ gốc 10.000.000đ và nợ lãi trong hạn 2.920.000đ là phù hợp với qui định tại Điều 463 Bộ luật dân sự

Tài sản bảo đảm nợ vay là Đơn xin xác nhận nhà ở không phải là tài sản thế chấp để đảm bảo nợ vay, nên Tòa không xét.

ông Đ, bà L không đến Tòa và không có yêu cầu gì nên Tòa không xét.

[3] Về án phí: ông Đ, bà L phải chịu 5% của số nợ phải trả là: 12.920.000đ x 5% = 646.000đ, sung công quỹ nhà nước.

Hoàn lại cho Quỹ tín dụng nhân dân Phước H 450.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0003124, ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phước.

Từ những nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự 2005; Điều 23 Nghị quyết số 03/2012 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân Tối cao; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân Phước H.

Buộc vợ chồng ông Phan Văn Đ, bà Nguyễn Thị L phải trả cho Quỹ tín dụng nhân dân Phước H số tiền 12.920.000đ *(Mười hai triệu chín trăm hai mươi ngàn đồng)*, trong đó, nợ gốc: 10.000.000đ *(Mười triệu đồng)*, nợ lãi trong hạn 2.920.000đ *(Hai triệu chín trăn hai chục ngàn đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phan Văn Đ và bà Nguyễn Thị L phải chịu 646.000đ *(Sáu trăm bốn mươi sáu ngàn đồng), sung công quỹ nhà nước.*

Hoàn lại cho Quỹ tín dụng nhân dân Phước H 450.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0003124, ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phước.

Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Đ, bà L vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân.

Nơi nhận
- VKSND huyện Tuy Phước
- Chi cục THADS huyện Tuy Phước
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa

Võ Duy Minh